## THỐNG KÊ DI CĂN

U nguyên phát	Di căn		
Đầu mặt cổ			
Tuyến giáp			
Phổi	Não, xương, gan, thượng thận, hạch cuống phổi, hạch rốn phổi, hạch trung thất, hạch trên đòn.		
Sarcoma mô mềm			
Vú	Hạch nách, hạch vùng nách, hạch vú trong, hạch trên đòn, hạch dưới đòn Xương, não, gan, phổi.		
Thực quản			
Dạ dày	Hạch nách, hạch trên đòn trái, gan, tụy, lách, mạc treo tràng ngang		
Gan			
Đại tràng		Gan	
Trực tràng		Gan > phổi, <mark>x</mark> ương, não, buồng trứng	
Óng hậu môn		X	
Buồng trứng		Hạch cạnh động mạch chủ	
Thân tử cung			
Cổ tử cung	Hạch: hạch quanh CTC, hạch chu cung, hạch trước xương cùng/xương cùng, hạch chậu trong, chậu ngoài, hạch bịt, hạch chậu chung.  Hạch xa: hạch cạnh động mạch chủ, di căn hạch xa.  Xa: phổi, gan, xương		
Âm hộ	Hạch vùng: hạch bẹn (30 – 40%), hạch bẹn nông → hạch đùi → hạch Cloquet → chậu ngoài.  Xa: phổi, gan, xương, hạch sau phúc mạc, hạch di căn xa.		
Tuyến tiền liệt	Di căn xương thể tạo xương, gan, não, phối + mô mềm hiếm. Hạch bịt, hạch quanh bàng quang, hạch hạ vị, hạch trước xương thiêng, hạch cạnh đại động mạch. Ngoại niệu: hạch chậu trong, chậu ngoài, trước xương cùng Khi hạch vùng có xâm lấn thì hầu như có di căn xa.		
Dương vật			
Tinh hoàn	Phổi (+++), gan Hạch cạnh ĐMC bụng (80%), hạch cạnh tĩnh mạch chủ, hạch trung thất, hạch trên đòn Sinh thiết đường bìu → di căn bẹn (hiếm). Cắt qua đường bẹn → di căn chậu (<3%).		

Thận	
Melanoma	
Da	

Cơ quan di căn	U nguyên phát
Gan	Phổi, vú, tinh hoàn, TTL, CTC, DD
Xương	Phổi, vú, trực tràng, CTC
Phổi	Vú, trực tràng, tinh hoàn, TTL, CTC
Não	Phổi, vú, trực tràng, TTL

